TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 7 năm 2022
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Văn Thịnh

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Việt và ông Bùi Nguyên Hồng

***- T ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Huế – T ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 232/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 ngày 6 ngày 2022 về việc tranh chấp nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cầm Thị N, sinh năm 1980. Nơi ĐKHKTT: bản Q, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đắc T, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Bản Q, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 06 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cầm Thị N trình bày:

Chị N, anh T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không đi đăng ký kết hôn, chỉ được hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T đánh bạc về đổi chị bán đất nhưng chị không đồng ý nên hai bên Tòng xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, kinh tế suy kiệt. Từ đó anh chị sống ly thân với nhau, không ai

còn quan tâm gì đến ai. Nay chị N đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Đắc Minh T sinh ngày 09/11/2005; cháu Nguyễn Đắc Minh N, sinh ngày 16/11/2010; cháu Nguyễn Đắc Đ sinh ngày 23/01/2015. Chị N muốn nhận nuôi cả ba con chung đến khi trưởng thành và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mức 500.000VNĐ/1 cháu/ 1 tháng. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đắc T trình bày:

Anh T xác nhận chung sống như vợ chồng với chị N từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị được gia đình tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán. Thời gian chung sống chị N đã bỏ nhà đi 03 lần rồi lại quay về. Đến tháng 03 năm 2022 chị N lại bỏ đi và làm đơn xin ly hôn đối với anh. Anh xác định tình cảm không còn nên cũng đồng ý yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Đắc Minh T, sinh ngày 09/11/2005; cháu Nguyễn Đắc Minh N, sinh ngày 16/11/2010; cháu Nguyễn Đắc Đ, sinh ngày 23/01/2015. Anh nhất trí với ý kiến của chị N, giao các cháu T, N, Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mức cấp dưỡng 500.000VNĐ/ 1 tháng/ 1 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh với Đ diện ban quản lý bản Q, xã Hát Lót; tư pháp xã Hát Lót và lấy ý kiến con chung của chị N, anh T về mâu thuẫn vợ chồng, con chung. Do anh T, chị N không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không phải là vợ chồng hợp pháp. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 14; các Điều 16; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cầm Thị

N và anh Nguyễn Đắc T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đắc Minh T, sinh ngày 09/11/2005; cháu Nguyễn Đắc Minh N, sinh ngày 16/11/2010; cháu Nguyễn Đắc Đ, sinh ngày 23/01/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mức cấp dưỡng 500.000VNĐ/ 1 tháng/ 1 cháu. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Chị N chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Cầm Thị N trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án là được ly hôn với anh Nguyễn Đắc T. Anh T có hộ khẩu Tờng trú tại bản Q, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và cần xác định quan hệ tranh chấp là xin ly hôn. Do anh chị không có đăng ký kết hôn, không phải là vợ chồng hợp pháp nên Tòa án mở phiên tòa xét xử để xem xét yêu cầu của chi N là đúng quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trước khi xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với cả nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Cầm Thị N và anh Nguyễn Đắc T tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Trong quá trình chung sống cùng nhau, anh chị không tìm được tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế, Tờng xuyên bất đồng, cãi vã, chị N có đơn xin ly hôn với anh T, anh T xác định tình cảm hai bên không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh với Đ diện ban quản lý bản Q và ghi ý kiến con chung của anh T chị N xác định: Trong thời gian anh chị chung sống như vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhiều lần gửi đơn đề nghị Ban quản lý bản tiến hành hòa giải quay về tiếp tục chung sống cùng nhau nuôi con, lần mầu thuẫn này anh chị không đề nghị Ban quản lý bản hòa giải, hơn nữa anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đã trực tiếp nộp đơn ra Tòa án, thực tế anh chị đã sống ly thân. Anh chị có ba con chung đều đang ở cùng chị N. Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh T, chị N mặc dù có sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo

phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì chị N anh T không phải là vợ chồng hợp pháp, quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Do đó, cần căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cầm Thị N và anh Nguyễn Đắc T.

[2.2] Về con chung: Chị N anh T có 03 con chung là Nguyễn Đắc Minh T sinh ngày 09/11/2005; Nguyễn Đắc Minh N sinh ngày 16/11/2010; Nguyễn Đắc Đ sinh ngày 23/01/2015.

Anh chị thống nhất giao các cháu T, cháu N, cháu Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mức cấp dưỡng 500.000VNĐ/ 1 tháng/ 1 cháu. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2022.

Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, phù hợp với điều kiện của người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T chị N đều xác nhận không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vấn đề tài sản tại thời điểm giải quyết vụ án ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị Cầm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14; các Điều 16; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cầm Thị N và anh Nguyễn Đắc T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị N, anh T. Giao cháu Nguyễn Đắc Minh T, sinh ngày 09/11/2005; cháu Nguyễn Đắc Minh N, sinh ngày 16/11/2010; cháu Nguyễn Đắc Đ, sinh ngày 23/01/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mức cấp dưỡng 500.000VNĐ/ 1 tháng/ 1 cháu. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2022 đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh T xác định không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Cầm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001630 ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn. Anh Nguyễn Đắc T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN –**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Việt

2. Ông Bùi Nguyên Hồng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 232/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 ngày 6 ngày 2022 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cầm Thị N, sinh năm 1980. Nơi ĐKHKTT: bản Q, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đắc T, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Bản Q, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14; các Điều 16; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.;

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. Việc giải quyết vụ án

2.1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cầm Thị N và anh Nguyễn Đắc T.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2.2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị N, anh T. Giao cháu Nguyễn Đắc Minh T, sinh ngày 09/11/2005; cháu Nguyễn Đắc Minh N, sinh ngày 16/11/2010; cháu Nguyễn Đắc Đ, sinh ngày 23/01/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mức cấp dưỡng 500.000VNĐ/ 1 tháng/ 1 cháu. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2022 đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh T xác định không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về án phí.

Chị Cầm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001630 ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn. Anh Nguyễn Đắc T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 08 giờ 50 phút, ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN –**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA